

**CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY
NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/CBTT/2024

Thủ Dầu Một, ngày 26 tháng 4 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

- Mã chứng khoán: **BWE**
- Địa chỉ: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP TDM, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại liên hệ: 02743 824245 Fax: 02743897722

2. Nội dung thông tin công bố: Công văn số 318/TCTBWE-TCKT ngày 26/4/2024 về việc đính chính số liệu tại Thuyết minh số 36 của BCTC riêng Quý 1 năm 2024 và Thuyết minh số 40 của BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2024

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/4/2024 tại đường dẫn: www.biwase.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

- Tài liệu đính kèm/

Tài liệu liên quan đến việc CBTT /

Đại diện tổ chức

Nguyễn Quốc CBTT



Dương Anh Thư

Số: 318 /TCTBWE-TCKT

V/v Đính chính số liệu tại Thuyết minh số 36
của Báo cáo tài chính riêng Quý 1 năm 2024
và Thuyết minh số 40 của Báo cáo tài chính
hợp nhất Quý 1 năm 2024.

Bình Dương, ngày 26 tháng 11 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty CP – Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương xin gửi tới Quý Ủy ban và Quý Sở lời chào trân trọng!

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP – Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương xin đính chính lại thông tin đã trình bày tại Thuyết minh số 36, trang 45 của Báo cáo tài chính riêng và Thuyết minh số 40, trang 51 của Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024 như sau:

Trên Báo cáo tài chính riêng:

Nội dung	Đã công bố	Đính chính
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		
+ Xử lý rác thải	3.184.376.687	10.184.376.687
+ Hoạt động khác	14.689.555.661	7.689.555.661
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
+ Xử lý rác thải	(17.495.333.268)	1.726.591.398
+ Hoạt động khác	24.007.676.816	4.785.752.150

Trên Báo cáo tài hợp nhất:

Nội dung	Đã công bố	Đính chính
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		
+ Xử lý rác thải	3.184.376.687	10.184.376.687
+ Hoạt động khác	32.421.541.498	25.421.541.498
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
+ Sản xuất và kinh doanh nước sạch	3.579.114.332	169.000.513.140
+ Xử lý rác thải	-	1.726.591.398
+ Xử lý nước thải	-	(5.175.905.880)
+ Hoạt động khác	176.140.915.802	14.168.831.476

Lý do đính chính thông tin : Do sơ xuất trong quá trình tổng hợp số liệu bộ phận.

Các nội dung khác tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024 đã công bố không thay đổi và không ảnh hưởng đến Kết quả kinh doanh của Công ty.

Trên đây là nội dung đính chính của Công ty CP – Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương, kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xem xét.

Phạm
Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BGD
- Phòng TC-KT
- VT

CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



Phạm
Trần Chiến Công
Tổng Giám Đốc

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản xuất và kinh doanh nước sạch VND	Xử lý rác thải VND	Xử lý nước thải VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	567.390.037.439	90.618.176.182	3.218.963.126	76.820.488.359	738.047.665.106
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	339.024.868.569	10.184.376.687	(2.214.724.219)	7.689.555.661	354.684.076.698
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	165.421.398.808	1.726.591.398	(5.175.905.880)	4.785.752.150	166.757.836.476
Sản lượng nước sản xuất Quý 1/2024 (m3)	49.798.513				
Tỷ lệ thất thoát nước được duyệt	18,00%				
Tỷ lệ thất thoát nước bình quân thực tế kỳ này	4,80%				
Ước tính sản lượng nước tiết kiệm được do giảm tỷ lệ thất thoát nước	8.016.346				
Giá thành sản xuất bình quân kỳ này (đồng/ m ³)	7.692,47				
Ước tính lợi nhuận sau thuế TNDN tăng thêm do giảm tỷ lệ thất thoát nước	55.498.951.003				55.498.951.003
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp <i>(không bao gồm lợi nhuận mang lại do giảm tỷ lệ thất thoát nước)</i>	109.922.447.805	1.726.591.398	(5.175.905.880)	4.785.752.150	111.258.885.473
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-	88.983.117.519
Tài sản bộ phận	3.378.929.654.581	1.510.434.015.694	82.746.426.939	148.272.289.888	5.120.382.387.102
Tài sản không phân bổ					5.609.091.470.432
Tổng tài sản	3.378.929.654.581	1.510.434.015.694	82.746.426.939	148.272.289.888	10.729.473.857.534
Nợ phải trả của các bộ phận	54.830.294.716	232.898.280.009	23.649.534.440	94.430.536.682	405.808.645.847
Nợ phải trả không phân bổ					5.678.479.634.157
Tổng nợ phải trả	54.830.294.716	232.898.280.009	23.649.534.440	94.430.536.682	6.084.288.280.004

b) Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	Xử lý rác thải	Xử lý nước thải	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	627.232.079.670	90.618.176.182	3.218.963.126	70.629.282.813	791.698.501.791
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	358.843.502.893	10.184.376.687	(2.214.724.219)	25.421.541.498	392.234.696.859
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	169.000.513.140	1.726.591.398	(5.175.905.880)	14.168.831.476	179.720.030.134
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-	91.857.658.227
Tài sản bộ phận	4.851.735.334.499	1.510.434.015.694	82.746.426.939	658.819.302.933	7.103.735.080.065
Tài sản không phân bổ					4.876.543.861.357
Tổng tài sản	4.851.735.334.499	1.510.434.015.694	82.746.426.939	658.819.302.933	11.980.278.941.422
Nợ phải trả của các bộ phận	871.292.657.467	232.898.280.009	23.649.534.440	319.322.415.316	1.447.162.887.232
Nợ phải trả không phân bổ					5.505.006.257.290
Tổng nợ phải trả	871.292.657.467	232.898.280.009	23.649.534.440	319.322.415.316	6.952.169.144.522

b) Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chi phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.